

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 153/2023/DS-PT.

Ngày 11/4/2023.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng, tài sản cưỡng chế để
THA.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Phương;

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr và ông Vũ Văn Tú;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng - Thư ký;

- Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11/4/2023 tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2023/TLPT-DS ngày 06/01/2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, tài sản cưỡng chế thi hành án*”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Y L D N, địa chỉ: Buôn M 3, xã CN, huyện KB: Có mặt tại phiên tòa và ông N T N, địa chỉ: Số 372/3 H V, phường TL, TP BMT: Vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo ủy quyền của ông N T N: Bà T T L D, địa chỉ: Thôn 8, xã PĐ, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk: Vắng mặt tại phiên tòa;

2. Bị đơn: Ông Y T A và bà H M N, cùng địa chỉ: Buôn M 3, xã CN, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk: Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ngân hàng TMCP CT VN, địa chỉ: Số 108 THD, quận HK, TP Hà Nội. Đại diện theo ủy quyền: Ông L T Q, địa chỉ: Số 537, 539 đường HV, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk: Vắng mặt tại phiên tòa;

- Bà H L H N, anh N L Đ, H L H N, cùng địa chỉ: Buôn M 3, xã CN, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk: Vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện theo ủy quyền của bà H L H N, ông N L Đ: Ông Y L D N, địa chỉ: Buôn M 3, xã CN, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk: Có mặt tại phiên tòa;

- Công ty TNHH TM TM, địa chỉ: Buôn M, xã CN, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk. Đại diện theo pháp luật: Ông Y T A - Giám đốc: Có mặt tại phiên tòa;

- Bà N K Y, ông P T C, cùng địa chỉ: Buôn T, xã C P, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk: Vắng mặt tại phiên tòa;

- Ông Phạm Bá Đức, địa chỉ: , phường P L, TP N T, tỉnh K Ho: Vắng mặt tại phiên tòa.

***Người kháng cáo:** Nguyên đơn - ông Y L D N và ông N T N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Phần trình bày của nguyên đơn:

Quá trình tham gia tố tụng ông Y L D N và ông N T N và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà T T L D trình bày:

Theo thông báo số 25 ngày 14/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện KB, ông Y L D N và ông N T N được quyền khởi kiện để xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với các tài sản đang bị thi hành án. Vì vậy, 02 ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Thứ nhất: Xác định phần tài sản của các thành viên trong hộ gia đình đối với 02 thửa đất: Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.370m² và thửa đất số 33, tờ bản đồ số 53, diện tích 1.450m², đều đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ gia đình ông Y Thanh Ayun, đều tọa lạc tại xã CN, huyện KB. Hai thửa đất này đều thuộc tài sản chung của các thành viên hộ gia đình, vì vậy các thành viên trong hộ gia đình có tại thời điểm xác lập Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều được hưởng quyền, lợi ích theo quy định của pháp luật hiện hành, do vậy các thành viên đều được hưởng theo giá trị như nhau khi xử lý tài sản hộ gia đình.

- Thứ hai: Xác định phần sở hữu, sử dụng và công sức đóng góp đối với các tài sản gắn liền với đất như sau: Vào năm 2010 gia đình ông Y T A, bà H M N có họp gia đình trong buổi họp gia đình có lập biên bản giao cho ông Y L D N quản lý và làm kinh tế trên 02 thửa đất nêu trên, cụ thể:

+ Đối với thửa đất số 33: Sau khi được gia đình giao cho quản lý sử dụng thì vào năm 2015, ông Y L D N có xin phép bố mẹ tạo điều kiện cho vợ chồng làm ăn. Ngày 18/11/2015 ông Y Ly Dôn đã xin được Giấy phép kinh doanh để xây dựng nên nhà nghỉ 65, đã đi vào hoạt động hiệu quả cho đến nay. Năm 2018 trong lúc kinh doanh thuận lợi có xây dựng thêm một quán trà sữa và đã đi vào hoạt động cho tới nay.

+ Đối với thửa đất số 110: Trên đất có cây xăng dầu được xây dựng từ năm 1996 đang hoạt động kinh doanh bình thường. Trong buổi họp gia đình thì toàn bộ thành viên trong gia đình đồng ý giao cho ông Y L D N quản lý hoạt động cây xăng với tư cách thành viên hộ gia đình. Tại thời điểm tiếp nhận cây xăng vào năm 2010 thì theo quy định của pháp luật cây xăng phải cách mặt đường quốc lộ 50 m. Do đó cây xăng cũ phải di dời, nên sau khi ông Y L D N tiếp nhận quản lý thì gia đình thống nhất cho phá dỡ cây xăng cũ để xây dựng lại cây xăng mới, toàn bộ chi phí xây dựng, lắp đặt cây xăng mới và đổ đất làm mặt bằng hoạt động cây xăng là tiền riêng của ông Y L D N. Ngoài ra còn phải vay mượn của anh trai N T N và chị dâu H N N để xây dựng và cải tạo lại mặt bằng từ đó cho đến nay. Hàng năm vẫn thuê người tu bổ, sửa chữa, và nâng cấp cây xăng cũng như mặt bằng cây xăng để hoạt động hiệu quả hơn. Năm 2017 gia đình thấy nhà nghỉ 65 hoạt động tốt và ổn định nên muốn mở rộng kinh doanh, được sự đồng ý của gia đình và sự ủng hộ về tài chính của bố mẹ vợ nên ông Y L D N đã xin Giấy phép kinh doanh xây dựng thêm nhà nghỉ 64 và quán karaoke trên quyền sử dụng thửa đất này. Cũng vào năm 2017 do có nhu cầu làm nhà kho để chứa đồ của nhà nghỉ, quán karaoke nên ông Y L D N mua lại 01 nhà kho với tổng diện tích 200m² của bà H M N. Nhà kho này được xây dựng trên quyền sử dụng thửa đất nêu trên.

- Thứ ba: Đối với 04 thửa đất: Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 286, diện tích 17.297,7m², thửa đất số 01, tờ bản đồ số 289, diện tích 11673,9m², thửa đất số 01, tờ

bản đồ số 288, diện tích 21.614,7m², thửa đất số 01, tờ bản đồ số 287, diện tích 22.160,3m², đều tọa lạc tại xã E S, huyện KB, đều có Giấy chứng nhận quyền sử đất, đều đứng tên ông Y TA, bà H M N. Vào năm 2010 gia đình có giao cho ông N T N quản lý. Tuy nhiên do điều kiện ông N T N thường xuyên ở thành phố BMT để buôn bán kinh doanh cùng vợ nên không thể quản lý các tài sản mà bố mẹ đã giao nên ông N T N đã giao lại cho ông Y L D N quản lý, canh tác. Sau khi tiếp quản, tổng diện tích canh tác đất trên thì ông Y L D N đã đầu tư canh tác trồng thêm cà phê. Đến năm 2017 có trồng xen canh cây macca, sầu riêng, bơ, cam, xoài, điều, chuối... Do nguồn nước khan hiếm nên vợ chồng ông Y L D N đã đầu tư thuê người múc hồ để chứa nước mục đích phục vụ cho tưới cây. Ngoài ra còn thuê người khoan giếng để tưới thuê cho các rẫy xung quanh.

Theo ông Y L D N trên đây là các tài sản riêng của mình, tự tạo lập, không liên quan đến bố mẹ. Do vậy ông Y L D N đề nghị Tòa án xác định các tài sản nêu trên đều thuộc quyền sử hữu, sử dụng mình trong khối tài sản chung với gia đình. Việc cưỡng chế tài sản của ông cho người khác là xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, khi ông Y T A, bà H M N thế chấp 02 quyền sử dụng đất hộ gia đình để vay vốn thì ông Y L D N chỉ ủy quyền thế chấp diện tích đất chứ không ủy quyền thế chấp tài sản gắn liền với đất. Vì vậy, khi xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì ông Y L D N chỉ đồng ý việc xử lý phần đất còn phần tài sản trên đất thì ông không đồng ý.

2. Phần trình bày của bị đơn :

Ông Y Thanh Ayun, bà H M N và đại diện theo pháp luật Công ty TNHH TM TM - ông Y T Athống nhất trình bày:

Gia đình tôi có 06 thửa đất như nguyên đơn đã trình bày ở phần trên và 01 thửa thứ 07 là thửa đất số 156, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.620m², cũng tọa lạc tại xã CN, huyện KB, đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Y Thanh Ayun. Ngày 15/5/2010 gia đình tôi có tổ chức họp gia đình, gồm: Vợ chồng tôi, 05 người con là: N T N, Y L D N, H L H N, H L H N, N Y L Đ, già làng Y D A, 01 người em Y N N và 01 người bác Y H N. Nội dung của cuộc họp: Giao toàn bộ 04 thửa đất rẫy cùng toàn bộ tài sản trên đất ở xã Ea Sin cho vợ chồng N T N, H N B R quản lý, canh tác. Trên đất chỉ có cây cà phê đã già, chưa có giếng khoan, hồ nước. Đồng thời giao 02 thửa đất số 110 và số 33 cùng toàn bộ tài sản trên đất cho Y L D N quản lý, kinh doanh. Trên đất có cây xăng cũ, nhà cấp 4 để gia đình ở. Sau khi họp gia đình, chúng tôi đã tiến hành thực hiện bàn giao đất như nội dung thỏa thuận họp gia đình. Từ đó, vợ chồng tôi không can thiệp vào việc canh tác, kinh doanh của các con mà để cho các con tự làm. Đến năm 2018 vợ chồng tôi do có một số khoản nợ cần trang trải nên đã thế chấp toàn bộ 07 thửa đất trên để vay tiền tại Ngân hàng .

Nay các con tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần quyền của các thành viên trong hộ gia đình đối với 02 thửa đất 110, 33 nêu trên, đồng thời yêu cầu xác định phần sở hữu, sử dụng và công sức đóng góp đối với các tài sản gắn liền với 07 thửa đất nêu trên thì chúng tôi đồng ý, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng: Vào ngày 18/9/2018 Công ty TNHH TM có ký kết hợp đồng để vay vốn tại ngân hàng với số tiền vay gốc là 3.700.000.000 đồng,

thế chấp 07 thửa đất nêu trên. Công ty đồng ý trả nợ gốc 3.700.000.000 đồng nói trên, lãi là 374.814.969 đồng (tính đến ngày 09/12/2019) và tiếp tục trả lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn quy định trong hợp đồng cho đến khi xong nợ. Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thì Công ty và ngân hàng cùng nhau thương lượng để giải quyết xử lý tài sản.

3. Phần trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- **Ngân hàng TMCP CT VN trình bày:** Căn cứ vào hợp đồng cho vay ngày 18/09/2018, Công ty TNHH TM TM đã không trả nợ đúng hạn số tiền gốc 3.700.000.000 đồng. Tài sản thế chấp là 07 thửa đất như nguyên đơn và bị đơn đã trình bày. Việc vay nói trên đã quá hạn từ ngày 19/03/2019, yêu cầu Công ty phải trả nợ tạm tính đến ngày 30/9/2022: gốc: 3.700.000.000 đồng, lãi vay: 1.778.888.548 đồng, tổng cộng: 5.478.888.548 đồng và phải tiếp tục trả tiền lãi nợ quá hạn theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay trên số nợ gốc thực tế kể từ ngày 01/10/2022 cho đến khi trả xong khoản nợ. Trường hợp không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ và không tự nguyện xử lý tài sản thế chấp thì ngân hàng có quyền đề nghị kê biên, bán tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

- **Ông PTC, bà NT KY trình bày:** Vợ chồng tôi là người đang yêu cầu thi hành án đối với ông Y T A và bà H M N với số tiền 3.350.000.000 đồng cả gốc và lãi, sau đó phát sinh tranh chấp về tài sản của hộ gia đình ông Y T A. Vợ chồng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của vợ chồng tôi.

- **Ông P B Đ trình bày:** Tôi là người đang yêu cầu thi hành án đối với ông Y T A và bà H M N số tiền hơn chín trăm triệu đồng cả gốc và lãi, sau đó phát sinh tranh chấp về tài sản của hộ gia đình ông Y T A. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của tôi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 56/2022/DSST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện KB đã quyết định:

Căn cứ khoản 3, khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 158, Điều 165, điểm c khoản 2 Điều 217, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Y L D N và ông N T N;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là NH TMCPNT VN: Buộc Công ty TNHH TM TM phải trả cho NH tổng số tiền: 5.478.888.548 đồng (tính đến ngày 30/9/2022) và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2022 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng cho vay cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ đối với các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm 07 thửa đất nói trên. Trường hợp trả đầy đủ nợ cho ngân hàng mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì ngân hàng trả lại giấy tờ pháp lý của 07 thửa đất nói trên. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm nói trên còn giải quyết về chi phí tố tụng, án phí.

Ngày 28/10/2022 nguyên đơn - ông Y L D N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý về việc cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt mình, đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm về việc đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Ngày 01/11/2022 nguyên đơn - ông N T N kháng cáo bản án sơ thẩm về việc đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

4. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên những lời khai, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã khai, đã trình bày, đã cung cấp tại cấp sơ thẩm, không bổ sung lời khai, tài liệu, chứng cứ nào mới.

- Bị đơn cũng giữ nguyên những lời khai, tài liệu, chứng cứ mà bị đơn đã khai, đã cung cấp tại cấp sơ thẩm, không bổ sung lời khai, tài liệu, chứng cứ nào mới.

- Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố các lời khai, tài liệu, chứng cứ mà các đương sự vắng mặt đã khai, đã cung cấp tại cấp sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự để đảm bảo quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của các đương sự, kể cả các đương sự vắng mặt khi tham gia tố tụng, trong đó có 2 nguyên đơn. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn ông Y L D N và ông N T N nộp trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét giải quyết theo theo thủ tục phúc thẩm.

2. Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của 2 nguyên đơn:

Quá trình tham gia tố tụng 02 nguyên đơn đã được Tòa án cấp sơ thẩm giao nhận, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng 02 nguyên đơn vẫn vắng mặt trên 02 lần tại phiên tòa sơ thẩm mà không có lý do chính đáng. Do đó Hội đồng xét xử tại cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của 02 nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - NHCTVN, cấp sơ thẩm đã quyết định phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng số 18.33.0069/2018-HĐCVHM/NHCT502 ngày 18/09/2018 và Hợp đồng số 18.33.0069/2018/HĐBĐ/NHCT502 ngày 18/09/2018, phù hợp với Điều 91, Điều 95

Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các Điều 117, 298, 299, 463, 466, 500 và 502 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy cần chấp nhận ý kiến đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Y L D N và ông N T N – Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Y L D N, ông N T N mỗi ông phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về yêu cầu kháng cáo của 02 nguyên đơn:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của 02 nguyên đơn - ông Y L D N và ông N T N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2022/DSST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện KB, tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Ông Y L D N và ông N T N - mỗi ông phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ theo các Biên lai thu số 0020718, số 0020717 cùng ngày 02/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện KB.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 11/4/2023).

Nơi nhận:

- TAND CC tại ĐN;
- VKSND CC tại ĐN;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện KB;
- Chi cục THADS KB;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Duy Phương